

Số: 23/TNHS

Kon Tum, ngày 15 tháng 6 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Kon Tum xác nhận đã tiếp nhận 01 hồ sơ tự công bố sản phẩm của Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông Kon Tum.

Địa chỉ: Làng Ko Xía 2, xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

Điện thoại: 0982450229

Bản tự công bố sản phẩm số 01/CTCPSNLTMRKT/2022

Sản phẩm: Trà Ô long sâm Ngọc Linh ATUAGIN

Nội dung: Cơ sở nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm thực phẩm

1. Thành phần hồ sơ nộp gồm:

- a) Bản tự công bố sản phẩm (kèm theo mẫu nhãn sản phẩm).
- b) Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng (Bản gốc).

2. Thời gian nhận hồ sơ: 15 giờ 05 phút ngày 15 tháng 6 năm 2022.

3. Hình thức nhận hồ sơ: Cơ sở nộp trực tiếp tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Kon Tum.

(Hồ sơ của cơ sở được đăng tải tại Trang thông tin điện tử của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tại địa chỉ: <http://atvstpkontum.gov.vn>)

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Minh Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/CTCPSNLTMKT/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông Kon Tum**

Địa chỉ: Làng Ko Xía 2, xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: 02422472468 - 0982450229

Mã số doanh nghiệp: 6101196670

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số 30/2022/ATTP-CNĐK, ngày cấp: 18/01/2022, Nơi cấp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Kon Tum

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ Ô LONG SÂM NGỌC LINH ATUAGIN**

2. Thành phần: Trà ô long 75%; thân, lá khô của sâm Ngọc Linh 25%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Đóng gói từ 10g, 20g, 30g, 50g, 70g, 100g, 120g, 200g, 250g, 500g, 1000g, 5000g, 10 kg, 20 kg, 30 kg, gói/hộp/thùng.

Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong túi lọc, bên ngoài bọc bao bì PE và hộp giấy carton. Bao bì đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: **Công ty Cổ phần sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông Kon Tum**

Địa chỉ: Làng Ko Xía 2, xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Nhãn sản phẩm có nội dung phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa (có maket nhãn kèm theo).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2 :2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số TCCS 01/2022.

- Bảng thông tin chi tiết sản phẩm (gửi kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Kon Tum, ngày 14 tháng 6 năm 2022



Nguyễn Thị Duyên

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu	Màu vàng nhạt đặc trưng của sản phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của trà, không có mùi lạ.
3	Vị	Vị đặc trưng của trà gừng
4	Trạng thái	Dạng bột, khô, mịn, không vón cục
5	Trà pha	Có màu vàng đặc trưng

2. Các chỉ tiêu chất lượng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Saponin tổng	%	$\leq 13,7$

3. Chỉ tiêu hoá lý:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm, tính theo % khối lượng	%	≤ 10
2	Hàm lượng tro không tan trong axit	%	≤ 1

4. Chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	<i>Coliforms</i>	CFU /g	≤ 10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU /g	≤ 3
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU /g	≤ 10
5	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	≤ 10
6	<i>S. aureus</i>	CFU/g	≤ 10

5. Chỉ tiêu Độc tố vi nấm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	≤ 15
2	Hàm lượng Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 5

6. Hàm lượng kim loại nặng:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì	mg/kg	≤ 2
2	Cadimi	mg/kg	≤ 1
3	Arsen	mg/kg	≤ 1
4	Thủy ngân	mg/kg	$\leq 0,05$

Số: 22040228/KQ - lần 1
(Thay thế bản cấp lần đầu
do điều chỉnh thông tin
ngày 22/06/2022)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 22040076/2204035

Trang 1/2

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÂM NGỌC LINH TU MƠ RÔNG
KON TUM**

Địa chỉ: Làng Ko Xía 2, xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Ngày nhận mẫu: 04/04/2022

Thời gian thử nghiệm: 04-12/04/2022

Ngày trả kết quả: 13/04/2022

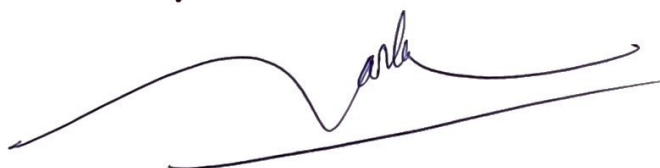
Tên mẫu: **TRÀ Ô LONG SÂM NGỌC LINH ATUAGIN**

Số lượng: 01 mẫu

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín

Kết quả: Xem trang 2/2

Phụ trách PTN



Trần Thụy Thanh Thảo



TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
CHẨN NAM
TÂN BÌNH - TP HCM

Lê Quốc Việt

Mã số: 22040076/2204035

Trang 2/2

CÔNG TY CỔ PHẦN

DỊCH VỤ KHOA HỌC

CÔNG NGHỆ

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Định tính Ginsenoside Rb1	Âm tính	-	HD.PP.96/KXN.LH
02	Định tính Ginsenoside Rf	Âm tính	-	HD.PP.96/KXN.LH
03	Saponin tổng	13,7	%	HP.PP.88/KXN.LH
04	Độ ẩm	2,39	%	H30 (Ref. FAO, 14/7, 1986)
05	Tro không tan trong HCl	0,032	%	AOAC 920.46
06	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) (*)	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/kg	TCVN 7596 : 2007
07	Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/kg	TCVN 7596 : 2007
08	Chì (Pb) (*) (i)	0,12	mg/kg	AOAC 999.11
09	Cadimi (Cd) (*) (i)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	AOAC 999.11
10	Arsen (As)	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg	AOAC 986.15
11	Thủy ngân (Hg)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	AOAC 974.14
12	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) (i)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
13	Coliforms (*) (i)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832 : 2007)
14	<i>Escherichia coli</i> (*) (i)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
15	<i>Staphylococcus aureus</i> (*) (i)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999 with amd 1:2003)
16	<i>Clostridium perfringens</i> (*) (i)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
17	<i>Bacillus cereus</i> (*) (i)	Không phát hiện	CFU/g	TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)

Ghi chú:

Chỉ tiêu số 12-17 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g

Chỉ tiêu số 01-03 được thực hiện bởi nhà thầu phụ